

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

Số: 76/QĐ-BCĐCCHC

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

SỞ NỘI VỤ QUẢNG BÌNH	
Số: 2420	Ngày: 07/5/19
Chuyên: <i>CP</i>	Lưu hồ sơ số: <i>CP</i>

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-BCĐCCHC ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-BCĐCCHC ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

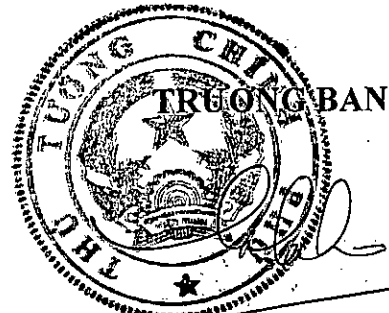
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Điều 2. Các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Kế hoạch kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan thuộc đối tượng kiểm tra;
- UBND tỉnh, thành phố thuộc đối tượng kiểm tra;
- Sở Nội vụ tỉnh, thành phố thuộc đối tượng kiểm tra;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Xuân Thành, Trợ lý TTg, Trợ lý, Thư ký PTG Trương Hòa Bình, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BCĐCCHC (3). *48*



**PHÓ THỦ TƯỚNG
Trương Hòa Bình**

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019
của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ**
*(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-BCĐCCHC ngày 16 tháng 4 năm 2019
của Trưởng ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ)*

Để có cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) tại các bộ, ngành và địa phương, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Đánh giá khách quan, toàn diện tình hình triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2019, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành; việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm, từ đó có biện pháp chỉ đạo sát hơn nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tiếp theo;

b) Phát hiện những cách làm hay, sáng tạo để có giải pháp nhân rộng trong cả nước; kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương để có hướng khắc phục, tháo gỡ chung trong cả nước;

c) Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương hành chính của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

a) Đổi mới công tác kiểm tra của Ban Chỉ đạo theo hướng kiểm tra các chuyên đề gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính tại Nghị quyết 30c/NQ-CP; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

b) Việc kiểm tra bảo đảm chính xác, khách quan, không gây trở ngại đến các hoạt động của đơn vị được kiểm tra;

c) Việc kiểm tra phải tuân thủ đúng quy định, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao;

d) Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương để bảo đảm việc kiểm tra mang tính toàn diện, đồng thời bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, tập trung vào những nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch công tác của bộ, ngành, địa phương năm 2019 (tính đến thời điểm kiểm tra) theo những nội dung sau:

1. Kiểm tra công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính gắn với tình hình triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ, ngành và địa phương trên tất cả các nội dung của Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác của Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; việc triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Chỉ đạo.

2. Công tác cải cách thể chế: Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Kiểm tra việc triển khai và kết quả đạt được của các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, thuế, hải quan, nông nghiệp nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, hộ tịch...; việc cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành và chi phí cho doanh nghiệp; tình hình giải quyết thủ tục hành chính; việc công bố, công khai thủ tục hành chính; việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định hành chính; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; việc triển khai và kết quả đạt được thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019, định hướng đến năm 2021 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

4. Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có; đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của bộ máy. Trọng tâm chuyên đề: Kiểm tra việc triển khai các Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết của Quốc hội, Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII.

5. Kiểm tra tình hình triển khai đầy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Trọng tâm: tuyển dụng; quản lý cán bộ, công chức, viên chức, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

6. Công tác cải cách tài chính công: Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với cơ quan nhà nước; về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công.

7. Hiện đại hóa hành chính: Việc triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo các danh mục đã được phê duyệt tại Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 và Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; việc triển khai thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Kết hợp kiểm tra tổng hợp với kiểm tra chuyên đề, gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính tại Nghị quyết 30c/NQ-CP.

2. Lựa chọn các bộ, ngành, địa phương để kiểm tra theo các nhóm sau:

- Nhóm các bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, có nhiều mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính được dư luận xã hội, người dân, doanh nghiệp đánh giá tích cực; có hệ thống chỉ số đánh giá liên quan đến cải cách hành chính (Chỉ số cải cách hành chính; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh...) của năm trước hoặc năm kiểm tra đạt kết quả cao. Qua kiểm tra, tổng hợp đánh giá để đề xuất nhân rộng các mô hình hiệu quả, sáng kiến cải cách hành chính trên phạm vi cả nước.

- Nhóm các bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, có dư luận xã hội, phương tiện thông tin, truyền thông phản ánh những tồn tại, hạn chế trong triển khai các nội dung cải cách hành chính, phản ánh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức nhũng nhieu, tiêu cực, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. Hệ thống chỉ số đánh giá liên quan đến cải cách hành chính của năm trước hoặc năm kiểm tra đạt kết quả chưa cao. Qua kiểm tra tìm ra nguyên nhân, những giải pháp khắc phục, cải thiện trong thời gian tới; đồng thời chấn chỉnh việc triển khai công tác cải cách hành chính đối với các bộ, ngành, địa phương trên phạm vi cả nước.

3. Trưởng các đoàn kiểm tra thành lập nhóm công tác làm việc chuyên sâu với bộ, ngành và địa phương được kiểm tra, trực tiếp phát hiện những tồn tại, hạn chế của bộ, ngành, địa phương; phối hợp xây dựng báo cáo trình Trưởng đoàn kiểm tra.

4. Trưởng đoàn làm việc với Lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương được kiểm tra về các nội dung:

- Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính của bộ, ngành, địa phương được kiểm tra hoặc các chuyên đề trọng tâm theo yêu cầu (theo mẫu tại Phụ lục I) và những đề xuất, kiến nghị.

- Lãnh đạo bộ, ngành, địa phương báo cáo những vấn đề về triển khai công tác cải cách hành chính hoặc các chuyên đề trọng tâm theo yêu cầu.

- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

IV. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA VÀ THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

- Thời gian kiểm tra cụ thể do các Trưởng đoàn chủ động bố trí. Dự kiến mỗi bộ, ngành, địa phương được tiến hành kiểm tra trong khoảng từ 02 - 03 ngày (gồm: 02 ngày kiểm tra chuyên sâu của nhóm công tác; 0,5 - 01 ngày kiểm tra, kết luận của Trưởng đoàn).

- Đối tượng, thành phần các đoàn kiểm tra thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với đoàn kiểm tra do Phó Thủ tướng Thường trực, Trưởng ban Chỉ đạo làm Trưởng đoàn:

- Bộ Nội vụ làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đoàn kiểm tra theo nội dung kế hoạch; liên hệ và thông báo đến các bộ, ngành và địa phương về kế hoạch kiểm tra.

- Văn phòng Chính phủ chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho kế hoạch kiểm tra của Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung phục vụ việc kiểm tra; phối hợp với nhóm công tác xây dựng báo cáo theo Phụ lục I và gửi Trưởng đoàn kiểm tra trước khi kiểm tra ít nhất 05 ngày; tạo điều kiện thuận lợi giúp đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

- Kết thúc mỗi cuộc kiểm tra, Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực, Trưởng Ban Chỉ đạo đến các cơ quan, đơn vị được kiểm tra và các cơ quan có liên quan.

2. Đối với các đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo và Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Phó Trưởng ban Chỉ đạo làm Trưởng đoàn:

a) Vụ Cải cách hành chính - Văn phòng Ban Chỉ đạo:

- Làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đoàn kiểm tra theo nội dung kế hoạch.

- Có trách nhiệm thông báo cho các bộ và các địa phương được kiểm tra về nội dung, thời gian, địa điểm để đảm bảo cuộc kiểm tra đạt kết quả.

- Kết thúc mỗi cuộc kiểm tra, Văn phòng Ban Chỉ đạo có trách nhiệm là đầu mối thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản cho các đơn vị được kiểm tra và các đơn vị có liên quan.

b) Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ và các đơn vị ngoài Bộ Nội vụ được mời tham gia đoàn kiểm tra:

- Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động liên hệ với Vụ Cải cách hành chính cử lãnh đạo, công chức tham gia đoàn kiểm tra.

- Chuẩn bị nội dung theo các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình để làm việc với các đơn vị được kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn.

c) Đối với các bộ, ngành, địa phương được kiểm tra:

- Lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung phục vụ việc kiểm tra;

- Chủ trì, phối hợp với nhóm công tác xây dựng báo cáo theo Phụ lục I và gửi về Bộ Nội vụ trước khi kiểm tra ít nhất 05 ngày;

- Tạo điều kiện thuận lợi giúp Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

3. Đối với các đoàn kiểm tra do thành viên khác của Ban Chỉ đạo làm Trưởng đoàn:

Thành lập Đoàn và tiến hành kiểm tra các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, ngành thuộc phạm vi quản lý.

VI. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra cải cách hành chính được lấy từ nguồn kinh phí về cải cách hành chính được bố trí trong dự toán chi thường xuyên năm 2019 của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nội dung và định mức chi

Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.



PHÓ THỦ TƯỚNG
Trương Hòa Bình



Phụ lục I

**ĐỀ CƯƠNG BẢO CAO PHỤC VỤ KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ**
(*Kiểm theo Quyết định số 76/QĐ-BCĐCCHC ngày 16 tháng 4 năm 2019
của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ*)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Tình hình triển khai kế hoạch cải cách hành chính: Việc đôn đốc triển khai, bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính.

- Trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai cải cách hành chính.

- Tình hình triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Tình hình triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Tình hình triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định số 75/QĐ-BCĐCCHC ngày 24 tháng 4 năm 2019 về Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

- Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Tình hình triển khai các nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực, trọng tâm là các lĩnh vực có liên quan đến doanh nghiệp và người dân, như: đất đai, thuế, hải quan, nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, hộ tịch...

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trình bày những kết quả chính đạt được trong cải cách hành chính của bộ, ngành/địa phương từ đầu năm đến nay, trên các lĩnh vực:

1. Cải cách thể chế.

2. Cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Trọng tâm chuyên đề: việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết của Quốc hội, Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII.

* Ghi chú: Đây là Đề cương phục vụ kiểm tra của Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng Ban Thường trực - Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Phó Trưởng Ban - Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, Cải cách công vụ, viên chức. Trọng tâm chuyên đề: tuyển dụng; quản lý cán bộ, công chức, viên chức, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

5. Cải cách tài chính công

6. Hiện đại hóa hành chính

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

IV. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG TRONG NĂM TỚI

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

VI. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (nếu có)



Phụ lục II

KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019 VÀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

(Kiểm theo Quyết định số 76/QĐ-BCĐCCHC ngày 16 tháng 4 năm 2019
của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ)

TT	Thành viên Ban Chỉ đạo	Đơn vị được kiểm tra	Nội dung kiểm tra
1	Trưởng đoàn: Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ Thành viên: - Lãnh đạo Bộ Nội vụ; - Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ; - Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông; - Đại diện Lãnh đạo một số bộ, ngành khác theo yêu cầu.	- Bộ, ngành: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành khác do Trưởng ban quyết định. - Các tỉnh: Đắk Nông, Bắc Kạn (xếp cuối Chỉ số PCI); các tỉnh xếp cuối Chỉ số CCHC và các tỉnh, thành phố khác do Trưởng ban quyết định.	Kiểm tra tổng hợp các nội dung CCHC hoặc các chuyên đề cụ thể theo yêu cầu theo Phụ lục I "Đề cương báo cáo phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ".
2	Trưởng đoàn: Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Thành viên: - Bộ Nội vụ; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Thông tin và Truyền thông; - Một số bộ, ngành khác theo yêu cầu.	- Bộ, ngành: Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành khác do Phó Trưởng ban Thường trực quyết định. - Các tỉnh, thành phố: Lai Châu, Hậu Giang và các tỉnh, thành phố khác do Phó Trưởng ban Thường trực quyết định.	Kiểm tra tổng hợp các nội dung CCHC hoặc kiểm tra chuyên đề theo Phụ lục I "Đề cương báo cáo phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ".
3	Trưởng đoàn: Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Thành viên: - Bộ Nội vụ; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Thông tin và	- Bộ, ngành: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành khác do Phó Trưởng ban quyết định. - Các tỉnh, thành phố: Điện Biên, Quảng Bình, Quảng Trị và các tỉnh, thành phố khác do Phó	Kiểm tra tổng hợp các nội dung CCHC, theo Phụ lục I "Đề cương báo cáo phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ". ✓

TT	Thành viên Ban Chỉ đạo	Đơn vị được kiểm tra	Nội dung kiểm tra
	Truyền thông; - Một số bộ, ngành khác theo yêu cầu.	Trưởng ban quyết định.	
4	Các thành viên khác của Ban Chỉ đạo	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong hệ thống tổ chức của bộ, ngành mình, do thành viên Ban chỉ đạo tự lựa chọn. - Tham gia đoàn kiểm tra của Trưởng Ban Chỉ đạo, các Phó trưởng Ban Chỉ đạo theo yêu cầu 	Kiểm tra chuyên đề: Việc thực hiện công tác cải cách hành chính đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.